



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN TẠI VÙNG ĐẦM PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Mai Phương

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế

Hồ Việt Hoàng

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Trần Mai Phương** <phuongtran.anth@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 27-07-2022; Ngày chấp nhận đăng: 24-08-2022)

Tóm tắt: Trong bối cảnh tỉnh Thừa Thiên Huế đang thực hiện nhiệm vụ quy hoạch phát triển vùng đầm phá dựa trên các chiến lược phát triển bền vững nhằm trở thành vùng trọng điểm kinh tế của miền Trung Việt Nam đến năm 2030, nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện với mục tiêu luận bàn về vấn đề phát triển bền vững vùng tại khu vực đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, một khu vực kinh tế - văn hóa đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế. Để đạt được mục tiêu đó, chúng tôi tiếp cận lý thuyết phát triển bền vững vùng thông qua các trường hợp nghiên cứu ở một số khu vực trên thế giới, đồng thời bằng thực tiễn của vùng đầm phá gợi ý một số luận điểm quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: Phát triển bền vững vùng, phát triển vùng, lý thuyết và thực tiễn, đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, giá trị truyền thống

SUSTAINABLE DEVELOPMENT: SOME THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES IN THE TAM GIANG - CAU HAI LAGOON, THUA THIEN HUE PROVINCE

Tran Mai Phuong

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue Str., Hue, Vietnam

Ho Viet Hoang

University of Foreign Languages, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem Str., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Tran Mai Phuong** < phuongtran.anth@gmail.com >

(Received: July 27, 2022; Accepted: August 24, 2022)

Abstract: Sustainable development of the region plays an intimate role in the sustainable development strategy that all humankind is pursuing. The region's sustainable development is a timely filling for the gaps that sustainable development in general, both in theory and practice, has yet achieved. The article focuses on presenting approaches to regional sustainable development from different angles from research in various world regions and discusses some content about sustainable development practices in the Tam Giang - Cau Hai lagoon area, Thua Thien Hue province.

Keywords: Sustainable regional development, regional development, Tam Giang - Cau Hai lagoon, traditional values

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, phát triển bền vững (PTBV), vốn được xem là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai, đang là niềm hy vọng lớn của toàn nhân loại trong việc giải quyết các vấn đề bất cập do sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thế giới. PTBV là quá trình phát triển tổng hợp liên ngành, đa ngành với nhiều tiêu chí được đặt ra nhằm hòa giải mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường, xã hội, thể chế.

Để đạt được những thành tựu PTBV, mỗi một quốc gia cần phải bắt đầu từ sự PTBV ở cấp độ thấp hơn, ở các địa phương và khu vực, dựa trên tiềm năng và thế mạnh của từng vùng. PTBV vùng chính là sự bổ khuyết kịp thời cho những khoảng trống mà PTBV nói chung, cả trên khía cạnh lý thuyết và thực tiễn, chưa đạt được do quá tập trung vào các vấn đề lớn, các ưu tiên

toàn cầu (Pavel Klapka, 2007; Iryna Buzko và cộng sự, 2019). Đồng thời, PTBV vùng còn là bước quan trọng nhằm hạn chế sự mất cân bằng trong quá trình phát triển và sự chênh lệch về mức độ phát triển giữa các khu vực khác nhau, bởi lẽ điều đó có thể phá vỡ sự phát triển thống nhất và ổn định của quốc gia. Chính vì vậy, trên thế giới vấn đề PTBV vùng được quan tâm sâu sắc ở cả khía cạnh lý thuyết lẫn thực tiễn, trong khi ở Việt Nam vấn đề này mới được áp dụng nhằm giải quyết các khía cạnh của PTBV trong phạm vi khu vực.

Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam đã nhấn mạnh đến PTBV vùng và xây dựng các cộng đồng địa phương PTBV, xem đây là một trong 5 ưu tiên về phát triển kinh tế bên cạnh các lĩnh vực ưu tiên về xã hội và môi trường. Chiến lược PTBV vùng tập trung vào các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng bứt phá, thúc đẩy sự phát triển của cả nước, cũng như dẫn dắt, hỗ trợ cho các vùng còn lại.

Tỉnh Thừa Thiên Huế là một địa phương duyên hải miền Trung có tài nguyên biển và đầm phá vô cùng phong phú; đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (TG - CH) là một vùng đất ngập nước và là hệ sinh thái đầm phá bán khép kín lớn nhất Đông Nam Á. Vì thế, chiến lược PTBV kinh tế biển đóng vai trò quan trọng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế riêng của vùng biển, đảo, đầm phá, góp phần thúc đẩy Thừa Thiên Huế trở thành tỉnh thành mạnh về biển, giàu từ biển, phát huy vị thế trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và trong xây dựng các khu kinh tế ven biển. Phát triển vùng đầm phá dựa trên các chiến lược phát triển bền vững sẽ nâng cao vai trò quốc gia và quốc tế của vùng đầm phá TG - CH, đóng góp vào Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của đất nước.

Nghiên cứu này được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp phân tích và so sánh các văn bản quy phạm, các báo cáo phân tích về PTBV và PTBV vùng, các ấn phẩm khoa học về các vấn đề PTBV, các tư liệu thực địa về vùng đầm phá TG - CH để làm rõ các kết quả nghiên cứu.

2. Phát triển bền vững vùng: những tiếp cận lý thuyết

2.1. Trên thế giới, nghiên cứu về PTBV vùng được tiếp cận từ những góc nhìn khác nhau, đa chiều và gắn với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

Trong công bố của R. Jovovic và cộng sự (2017) về "*Khái niệm PTBV vùng: các khía cạnh thể chế, chính sách và triển vọng*" [11], nhóm tác giả đã thảo luận về khái niệm và một số nội dung liên quan đến PTBV vùng. Theo đó, phát triển vùng thường được định nghĩa là sự phát triển toàn diện của cộng đồng về xã hội, kinh tế, môi trường và chăm sóc sức khỏe, công nghệ, văn hóa và giải trí trên một lãnh thổ cụ thể. Sự phát triển của khu vực không chỉ bao gồm chính sách truyền thống trên một lãnh thổ, mà còn bao gồm cả quá trình kinh tế - xã hội được tổ chức trong bối cảnh chính trị và văn hóa nhất định. Nhóm tác giả cho rằng phát triển vùng chính là quá trình lồng ghép các trụ cột của PTBV ở cấp độ khu vực, tuy vậy những thách thức khi áp

dụng vào thực tế đòi hỏi phải thực hiện các hành động bổ sung và phối hợp các lĩnh vực khác nhau, có nghĩa là phải thực hiện một tập hợp các hành động bổ sung và phù hợp với khuôn khổ của PTBV nhằm đạt được sự tăng trưởng kinh tế trong sự hòa hợp và các mục tiêu xã hội, môi trường.

Nghiên cứu tập trung thảo luận các mô hình PTBV phổ biến¹, dựa trên đó đưa ra cách hiểu về PTBV vùng. Tính bền vững của một khu vực là một quá trình được đề xuất để cải thiện chất lượng cuộc sống con người trước những hạn chế của môi trường toàn cầu, đưa ra các giải pháp có tính bền vững, chẳng hạn hiểu được mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Ngày nay tính bền vững là một khái niệm tập trung nhiều cách tiếp cận khác nhau, được sử dụng cho nhiều lĩnh vực. Tính bền vững liên quan đến một số đặc điểm quan trọng: thứ nhất, đòi hỏi phải có sự nhận thức về mối liên kết giữa xã hội, các vấn đề sinh thái và kinh tế; thứ hai, tất cả các khái niệm về tính bền vững đều dựa trên các nhu cầu khác nhau trong khu vực; thứ ba, việc thực thi các khái niệm bền vững ở cấp khu vực cần kết hợp với các nhu cầu của địa phương vốn được xây dựng trong “Chương trình Nghị sự 21 của địa phương”.

Tính bền vững của khu vực được nhóm tác giả định nghĩa là sự hỗ trợ liên tục chất lượng cuộc sống của con người trong khả năng chịu đựng sinh thái của khu vực. Có hai cách tiếp cận trong PTBV vùng: tiếp cận giá trị (giá trị mà khu vực cung cấp cho người dùng), tiếp cận quá trình (tập trung vào các quá trình xảy ra trong khu vực).

Nghiên cứu về “*Các khía cạnh lý thuyết của PTBV vùng ở EU và Ukraine*” (Theoretical aspects of regional sustainable development in the EU and Ukraine) của nhóm tác giả Iryna Buzko, Olena Vartanova, Iryna Trunina, Inna Khovrak công bố năm 2019 [1] nhấn mạnh tầm quan trọng của PTBV vùng đối với sự phát triển thống nhất của toàn quốc gia/ đất nước, cũng như PTBV vùng đã lấp đầy khoảng trống của chiến lược PTBV vốn quá tập trung vào các vấn đề và các ưu tiên toàn cầu. Trên cơ sở đó, bài báo tập trung phân tích các khía cạnh lý thuyết của PTBV vùng trong bối cảnh của địa bàn nghiên cứu. Từ việc khảo sát hàng loạt cách tiếp cận về khái niệm PTBV của rất nhiều quốc gia như Mỹ, Anh, Pháp, Hungari, Ba Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc..., nhóm nghiên cứu đề xuất khái niệm PTBV và PTBV vùng. Theo đó, PTBV vùng là

¹ Các mô hình PTBV được thảo luận như mô hình tam giác Muna của Munasinghe, trong đó ba trụ cột được sắp xếp dưới dạng các đỉnh của một tam giác với ngụ ý tính bền vững đạt được từ việc tìm kiếm các giải pháp cân bằng tầm quan trọng và tác động của từng khía cạnh trong ba trụ cột này. Mô hình về sự tương tác giữa ba trụ cột với vị trí ở giữa là “khu vực bền vững” (zone of sustainability) là một mô hình khác công nhận sự phụ thuộc lẫn nhau của các hệ thống sinh học, kinh tế và xã hội (dẫn từ Spies, 2003) mà trong kinh doanh còn gọi là “bộ ba cốt lõi bền vững” (triple bottom line) - tăng lợi nhuận, cải thiện hành tinh và cuộc sống của con người. Mô hình được đề xuất bởi nhà kinh tế học H. Daly (1990) đã thiết lập tính bền vững thành một tam giác 3E - môi trường, công bằng và kinh tế (Environment, Equity and Economy), trong đó cuối hình tam giác là Môi trường đại diện cho tài nguyên thiên nhiên như một điều kiện tiên quyết vì cuộc sống từ tế của con người, Kinh tế ở nấc thang tiếp theo và ở trên cùng là Công bằng đóng vai trò đạt được hạnh phúc của con người.

một quá trình năng động có thể tiết kiệm và tích lũy tiềm năng của khu vực, tăng khả năng cạnh tranh dài hạn và cân bằng các chỉ số phát triển trong khu vực. Điều này đạt được bằng cách xác định và làm theo các ưu tiên phát triển trong các lĩnh vực môi trường, xã hội và kinh tế.

Pavel Klapka trong công trình nghiên cứu *"Tính bền vững ở cấp độ khu vực: lý thuyết và ứng dụng"* [12] đã phác thảo một cách tiếp cận khả thi đối với PTBV vùng từ quan điểm địa lý. Từ góc độ tiếp cận này, tác giả cho rằng khoa học địa lý có hai đóng góp lớn cho khái niệm về tính bền vững, đó là khả năng của yếu tố địa lý trong việc xem xét và đánh giá tổng hợp hầu hết các trụ cột, các khía cạnh và các yếu tố của tính bền vững; khả năng phân hóa không gian không chỉ giới hạn địa lý trong đánh giá tính bền vững ở cấp độ toàn cầu mà còn ở phân cấp thấp hơn, cấp độ khu vực, cũng được xem là phù hợp nhất để đánh giá PTBV².

Pavel Klapka đã xác định bốn danh mục cần nhận được sự chú ý khi bàn về tính bền vững ở cấp khu vực:

Thứ nhất, khung địa lý, là bối cảnh không gian - thời gian mà khu vực này thuộc về, xem xét các yếu tố lịch đại trong một khu vực địa lý, vì quá trình phát triển lịch sử của một khu vực cụ thể tạo thành một phần không thể tách rời trong bối cảnh không gian của nó. Như vậy, khuôn khổ địa lý của một khu vực bao gồm cả địa lý tự nhiên và địa lý nhân văn, vì không thể đánh giá đầy đủ trạng thái bền vững trong khu vực nếu không có kiến thức sâu sắc về bối cảnh địa lý của khu vực đó. Khu vực là sự phân cấp dưới quốc gia và có triển vọng nhất cho nghiên cứu về tính bền vững.

Thứ hai, nhận dạng địa lý, được hiểu là một thực tại nhất định, năng động và độc lập, phát triển theo không gian và thời gian, đại diện cho một khu vực cụ thể để phân biệt khu vực đó với các khu vực khác. Nhận dạng địa lý bao gồm nghiên cứu xã hội và các thành viên, mặt khác, cũng có thể hiểu là sản phẩm của hành động môi trường và xã hội trong một khu vực cụ thể.

Thứ ba, các khía cạnh của tính bền vững/ PTBV, tương tự như các trụ cột của PTBV, tạo thành một khung cơ bản để đánh giá tính bền vững trong một khu vực cụ thể. Mặc dù thừa nhận tính không đồng nhất về số lượng và đặc điểm của các trụ cột PTBV, tác giả đồng thời đưa ra kết luận về sự tồn tại hai nhóm quan điểm, một nhóm kết nối với thiên nhiên và môi trường,

² Trước đó, Pavel Klapka đã dành một phần trong nội dung nghiên cứu của mình để thảo luận về thuật ngữ PTBV (Sustainable development) và tính bền vững (Sustainability) dựa trên sự trình bày quan điểm của một số học giả như Sneddon (2000) hay Williams và Millington (2004) trong việc cân nhắc giữa thuật ngữ "PTBV" và "bền vững". Tác giả cho rằng, PTBV hay tính bền vững đều là những cách tiếp cận hiện đại nhằm cố gắng xử lý các điều kiện nghèo nàn của môi trường trái đất và giải quyết chất lượng cuộc sống của dân số toàn cầu. Tuy vậy, nếu khái niệm PTBV đã trở nên trì trệ và cần những xung lực mới khi những thảo luận về nó đã cạn kiệt và chủ yếu quan tâm đến vấn đề môi trường ở cấp độ toàn cầu thì khái niệm về tính bền vững phù hợp để áp dụng cho phân cấp thấp hơn cấp độ này. Mục tiêu của nghiên cứu hướng tới nhận diện sự khác biệt về không gian dựa trên sự phân tích về tính bền vững, có thể đem lại lợi ích hỗ trợ cho quản lý bền vững khu vực.

nhóm còn lại với xã hội. Ông cũng khẳng định quan điểm của Hynek (1999) đáp ứng khá tốt toàn bộ các quan điểm địa lý về tính bền vững, bao gồm năm khía cạnh: môi trường, sinh thái, xã hội, chính trị và văn hóa.

Thứ tư, các yếu tố của sự bền vững, là nền tảng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến trạng thái bền vững của một khu vực, có thể khác nhau đáng kể về đặc điểm và số lượng phù hợp với khuôn khổ địa lý và nhận dạng địa lý của khu vực. Nó có nghĩa là các yếu tố phải được chỉ định riêng cho từng khu vực.

Một nghiên cứu rất công phu của nhóm tác giả Nijkamp, P.; Laschuit, P.; Soeteman, F. về “PTBV trong hệ thống khu vực” [14] đã thảo luận các vấn đề PTBV vùng như khái niệm, các quy tắc chính sách, các khía cạnh. Trên quan điểm phúc lợi về PTBV, nhóm tác giả định nghĩa PTBV vùng là một sự phát triển đảm bảo rằng dân số khu vực có thể đạt được mức phúc lợi có thể chấp nhận được, cả ở hiện tại và tương lai, đồng thời sự phát triển này tương thích với hoàn cảnh sinh thái về lâu dài cũng như cố gắng đạt được sự PTBV trên toàn cầu. Do đó, PTBV vùng phải đạt được hai mục tiêu: đảm bảo cho người dân trong khu vực một mức phúc lợi có thể chấp nhận được, có thể duy trì trong tương lai; không được phép đi ngược với chiến lược PTBV ở cấp độ siêu khu vực. Nghiên cứu tiếp tục chỉ ra PTBV vùng phải tương thích với PTBV toàn cầu, do đó nếu tất cả các khu vực của hệ thống toàn cầu đều đạt được PTBV vùng thì sự phát triển của hệ thống toàn cầu cũng sẽ bền vững.

Như vậy, theo quan điểm khoa học, PTBV cần xem xét phát triển vùng, phát triển kinh tế, xã hội và sự phát triển hài hòa giữa xã hội và tự nhiên, nhưng PTBV vùng thường khó định lượng. Có thể nhận thấy một cách xuyên suốt, PTBV và PTBV vùng bao gồm ba trụ cột: môi trường, kinh tế và xã hội, bên cạnh đó còn có một số khía cạnh khác được đề xuất như văn hóa, chính trị, thể chế hoặc công nghệ, chất lượng cuộc sống... Mặc dù các trụ cột của PTBV là cân bằng, trên thực tế, thành phần kinh tế đang được ưu tiên chú trọng.

2.2. PTBV nói chung và PTBV vùng nói riêng trên thế giới và ở Việt Nam hầu như chưa tiếp cận văn hóa như là một trụ cột đúng với vị thế của nó [2]. Điều này xuất phát từ căn nguyên văn hóa được định nghĩa không giống nhau ở mỗi cộng đồng khác nhau, cùng lúc đó không dễ để lượng hóa, xây dựng bộ tiêu chí PTBV về văn hóa như đối với các trụ cột kinh tế, môi trường, xã hội, nguồn lợi thu được của văn hóa đối với tính bền vững của con người cũng chưa được đánh giá đúng như các trụ cột khác. Ở Việt Nam, dù vai trò của văn hóa được nhìn nhận một cách nghiêm túc thông qua văn kiện của các kỳ đại hội Đảng, trên thực tế, các chính sách, chương trình gắn với PTBV chưa đề cập và quan tâm đến vấn đề văn hóa một cách sâu sắc.

Trong bối cảnh các tổ chức trên thế giới (UNESCO, UCLG) đang nỗ lực để thúc đẩy sự thừa nhận về vai trò của văn hóa đối với các mục tiêu PTBV, Dự thảo Chiến lược Phát triển văn

hóa đến năm 2030 đang được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lấy ý kiến để cụ thể hóa các nội hàm của phát triển văn hóa trong thời kỳ mới, đưa văn hóa thực sự trở thành “sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc”, trở thành “hệ điều tiết” góp phần ổn định xã hội, đồng thời đóng vai trò là thương hiệu quốc gia, gia tăng ảnh hưởng, vị thế của quốc gia trên toàn thế giới. Việc phát huy sức hấp dẫn, thu hút, thuyết phục của các giá trị văn hóa thông qua cơ chế chuyển hóa tài nguyên mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa, đưa văn hóa trở thành kênh dẫn truyền sức mạnh mềm (Soft power) của quốc gia [15]. Sức mạnh này cần được lý giải sâu sắc hơn và phải được phát huy với tính cách là nguồn nội lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [17]. Lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội XIII đề cập đến thuật ngữ “sức mạnh mềm” và khẳng định cần phải “khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”. Văn hóa, gắn với tính bền vững trong quá trình phát triển, có thể được khai thác trong mối quan hệ hài hòa với ba trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường, ở các khía cạnh các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo, du lịch, tri thức bản địa và hơn thế nữa. Với vai trò thúc đẩy sự phát triển và ổn định kinh tế - xã hội, môi trường, văn hóa nên được xem là một trong những trụ cột của PTBV, trong đó *PTBV về văn hóa phải được coi là một trong những trục chủ yếu làm nên sự PTBV nói chung* [2].

2.3. Ở Việt Nam, cách tiếp cận đối với PTBV có những thay đổi so với thế giới trên cả bình diện lý thuyết lẫn thực tiễn kể từ khi chiến lược này được đề ra vào những năm 80 của thế kỷ XX³. Trong đó, phát triển vùng⁴ là một trong những chủ trương lớn, được Đảng và Nhà nước quan tâm từ giai đoạn Đổi mới. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ VIII đã nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển vùng và đưa ra mục tiêu phát triển vùng lãnh thổ giai đoạn 1996 - 2000⁵,

³ Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra mục tiêu “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”, “tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh”. Đến đại hội X, các vấn đề về PTBV tiếp tục được bổ sung, những bài học được rút ra nhằm hoàn thiện chiến lược PTBV phù hợp với bối cảnh của đất nước và toàn nhân loại.

⁴ Ở Việt Nam, vùng được xác định là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia có các hoạt động kinh tế xã hội tương đối độc lập, thực hiện sự phân công lao động xã hội đối với cả nước. Về phương diện pháp lý, vùng không phải là đơn vị quản lý hành chính Nhà nước, nhưng trên thực tế lại là đơn vị lãnh thổ phục vụ hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo lãnh thổ, cũng như để quản lý các quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên mỗi vùng và liên kết phát triển các đơn vị hành chính trong và ngoài vùng [18]. PTBV vùng “được xem như một tập hợp các biện pháp biến đổi cấu trúc kinh tế - xã hội của vùng nhằm nâng cao mức sống và sự thịnh vượng của dân cư trong vùng, giảm sự chênh lệch giữa các tiểu vùng, cũng như thu hẹp dần khoảng cách với các vùng khác” [6, tr. 27].

⁵ “Tạo điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng mỗi vùng để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và liên kết giữa các vùng, tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của cả nước. Kết hợp sự phát triển có trọng điểm với sự phát triển toàn diện các vùng lãnh thổ, giảm bớt chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng”.

đến đại hội Đảng lần thứ XII (2016), vấn đề phát triển vùng tiếp tục được bàn luận và hoàn thiện về định hướng, chính sách⁶. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiện nay, văn bản cao nhất về phát triển vùng được ban hành (năm 2006) và sửa đổi, bổ sung (năm 2008) đã xác định có hai loại vùng là vùng kinh tế - xã hội và vùng kinh tế trọng điểm. Trong những năm qua, các chương trình phát triển vùng đã đạt được một số thành tựu ban đầu, bên cạnh đó không tránh khỏi những hạn chế cần phải khắc phục [16], [18].

3. Một số vấn đề về phát triển bền vững vùng đầm phá TG - CH, tỉnh Thừa Thiên Huế

Hệ thống quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội hiện nay ở Việt Nam gồm nhiều nội dung, trong đó liên quan đến cấp vùng có quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, vùng kinh tế trọng điểm. Thừa Thiên Huế nằm trong vùng kinh tế - xã hội Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, đồng thời thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung⁷, có nhiều tiềm năng nổi trội về biển và đầm phá, vịnh nước sâu trong hệ thống tài nguyên ven biển đa dạng của toàn vùng, đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của chiến lược biển quốc gia, đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh vào năm 2030, PTBV kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh.

3.1. Nhận thức được vai trò quan trọng của biển, đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, Đảng, Nhà nước và chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết liệt triển khai các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế biển, phát triển vùng đầm phá TG - CH theo hướng bền vững⁸. Đến năm 2017, vùng đầm phá TG - CH đã được khai thác với diện tích khoảng trên 7

⁶ “thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác... Thực hiện quy hoạch vùng, chính sách vùng; sớm xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối liên kết vùng theo hướng xác định rõ vai trò đầu tàu và phân công cụ thể trách nhiệm cho từng địa phương trong vùng”.

⁷ Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1018/1997/QĐ-TTg ngày 29/11/1997, gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Nay quy mô của vùng được mở rộng thêm tỉnh Bình Định. Như vậy, vùng có diện tích tự nhiên 27.879 km², dân số năm 2002 có khoảng 6 triệu người, chiếm 8,47% về diện tích tự nhiên và khoảng 7,49% dân số so với cả nước (chinhphu.vn).

⁸ Hội nghị Trung ương 4 đã xác định mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược PTBV thể chế Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 27/CT-TTg năm 2019 yêu cầu các Bộ ngành, địa phương liên quan thực hiện 4 mục tiêu và 3 giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng và PTBV Vùng miền Trung, trong đó có mục tiêu vận dụng chiến lược PTBV kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 vào năm trụ cột kinh tế; Nghị quyết số 26/NQ-CP về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngày 05/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; ngày 20/6/2020, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế

nghìn ha. Trong đó, phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn lợ ven phá và trên phá (nuôi xen ghép) khoảng trên 4,7 nghìn ha; bước đầu hình thành các tour du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và dịch vụ phục vụ du lịch trên vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, thành lập 23 Khu Bảo vệ thủy sản ở đầm phá, với tổng diện tích bảo vệ nghiêm ngặt 614,2 ha; cấp 45 quyền khai thác thủy sản với diện tích 15.500 ha mặt nước đầm phá. Nhờ đó, công ăn việc làm và thu nhập đã được tạo ra cho nhiều người dân ven đầm phá, mở ra hướng đi có triển vọng cho công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của tỉnh theo hướng tích cực [3].

Hiện nay, mô hình nuôi xen ghép cá - tôm bán chuyên canh và thâm canh tỏ ra khá hiệu quả ở nhiều địa phương chẳng hạn như ở xã Vinh Thanh, Vinh Phú (Phú Vang); Lộc Bình, Vinh Hưng, Giang Hải (Phú Lộc); hay Quảng An, Quảng Phước (Quảng Điền). Các mô hình nuôi tôm trên cát ứng dụng công nghệ cao, mô hình thâm canh các loại đặc sản cá có giá trị; mô hình nuôi cá lồng, tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo VietGap đến mô hình nuôi xen ghép cá - tôm... có tổng diện tích lên đến 4.922 ha; trong đó, nuôi trong ao là 3.535ha, nuôi chắn sáo là 1.387 ha và hơn 8.480 lồng. Bình quân sản lượng nuôi trồng hàng năm trên địa bàn đạt 10.813 tấn, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho hơn 10 nghìn hộ gia đình với hơn 21 nghìn lao động địa phương; đồng thời đã đóng góp phần lớn vào sản lượng thủy hải sản Việt Nam. Hầu hết các huyện, thị xã ở Thừa Thiên Huế đều có vùng nuôi trồng thủy sản trên đầm phá TG - CH. Trong đó, huyện Phú Vang có diện tích nuôi lớn nhất, chiếm hơn 57%; huyện Phú Lộc chiếm hơn 21%; còn lại TX. Hương Trà, huyện Phong Điền, Quảng Điền có tỷ lệ nuôi chiếm diện tích đầm phá không nhiều [13].

3.2. Trong quá trình nỗ lực vừa phát triển vừa bảo tồn đa dạng sinh học vùng đầm phá, khu bảo tồn đất ngập nước TG - CH được Chính phủ và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định thành lập ngày 20/2/2020 nhằm bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học, nguồn lợi sinh vật và các hệ sinh thái đặc thù trong đầm phá, góp phần PTBV kinh tế - xã hội, đảm bảo sinh kế cho người dân và tăng cường vai trò của cộng đồng trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; giảm thiểu các tác động làm suy giảm chất lượng môi trường sống, ảnh hưởng đến cấu trúc của hệ sinh thái, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản; tăng cường khả năng chống chịu của các hệ

hoạch 156/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng Khóa XII về Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Ngày 10/6/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1389/QĐ-UBND phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng đầm phá TG - CH, tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm mục tiêu thúc đẩy vai trò Quốc gia và Quốc tế của vùng đầm phá TG - CH; phát triển vùng đầm phá dựa trên các chiến lược PTBV, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ môi trường sinh thái và PTBV; phát triển vùng đầm phá TG - CH đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trở thành vùng trọng điểm kinh tế của miền Trung Việt Nam và tỉnh Thừa Thiên Huế về phát triển kinh tế du lịch sinh thái - thủy sản - tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp sinh thái; phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, khu chức năng theo hướng tăng trưởng xanh với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu.

sinh thái trong khu bảo tồn, thích ứng với những biến động tự nhiên của đầm phá và biến đổi khí hậu.

3.3. Về du lịch, toàn bộ vùng ven biển của Thừa Thiên Huế kéo dài 68km bao trọn hệ đầm phá TG - CH đã được đưa vào bảo tồn và khai thác theo hướng tái sinh tự nhiên, phát huy tiềm năng của cộng đồng dân cư của hệ đầm phá thuộc địa phận của 4 huyện là Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc và thị xã Hương Trà với những đặc trưng về địa - chính trị, lịch sử và văn hóa dân gian vào hoạt động du lịch sinh thái.

3.4. Bên cạnh đó, có thể thấy, những thành tựu đạt được của vùng đầm phá TG - CH vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của vùng. Trên bình diện chung, hiệu quả kinh tế mang lại chưa được như mong muốn; tình hình nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái trên vùng đầm phá vẫn chưa được cải thiện, công tác xúc tiến đầu tư tại vùng còn hạn chế; các mô hình phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên vùng đầm phá chưa được phát triển một cách rõ nét [4]. Hiện nay, tình trạng khai thác nuôi trồng các loại thủy hải sản gặp nhiều khó khăn, thách thức bởi sự thiếu đảm bảo của các yếu tố khí hậu, môi trường nước, hạ tầng nuôi trồng, đặc biệt trong nuôi trồng các loại cá đặc hiệu, phương thức nuôi chưa đúng quy trình kỹ thuật; cách tổ chức quản lý, quy hoạch khai thác, bảo tồn và phát triển ở đầm phá TG - CH còn bất cập. Quy mô sản xuất nuôi trồng thủy sản tại đây chủ yếu vẫn nhỏ, lẻ, sản xuất theo lối đánh bắt tự nhiên, dịch vụ hậu cần nghề cá ít, không chủ động được nguồn giống, thiếu tính quy hoạch. Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái thu mua ngay tại ao nuôi, dưới dạng sơ chế, không có nhãn hiệu và ít có sự liên kết tổ chức sản xuất, chế biến theo chuỗi giá trị gắn với nhu cầu của thị trường tiêu thụ, giá cả không ổn định... Đây là những yếu tố khiến nghề nuôi thủy sản ở đầm phá TG - CH chưa PTBV [5].

Việc triển khai đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá TG - CH đến năm 2020 (Quyết định 1955/QĐ-TTg ngày 27/11/2009) gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách, công tác xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực này còn hạn chế [19]. Tại đầm phá TG - CH, trong những năm gần đây, tình trạng đánh bắt thủy sản trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, đặc biệt là khai thác thủy sản bằng xung điện, cào hào theo kiểu tận diệt, gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và môi trường sinh thái đầm phá, mặc dù Công an các địa phương đã phối hợp với Chi cục Thủy sản, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, UBND các xã và các Chi hội nghề cá thực hiện tuần tra trên đầm phá, bắt giữ và xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi đánh bắt thủy sản trái phép [7].

3.5. Các giá trị văn hóa, truyền thống vùng đầm phá chưa được khai thác và quảng bá một cách hiệu quả và xây dựng thành thương hiệu có tính cạnh tranh, kết nối với chuỗi các thương hiệu văn hóa khác đã có tính lan tỏa như “thành phố Festival”, “Huế điểm đến di sản”, đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan và thân thiện với môi trường”... của toàn tỉnh; chưa gắn

văn hóa với kinh tế (kinh tế trong văn hóa) cũng như chưa sáng tạo ra những sản phẩm văn hóa đậm phá độc đáo đem lại doanh thu cho toàn tỉnh.

3.6. Trong một bối cảnh rộng hơn, vùng đầm phá TG - CH phát triển trong tổng thể vùng kinh tế trọng điểm miền Trung dù duy trì được mức tăng trưởng cao trong thời gian dài, song quy mô nền kinh tế vùng còn tương đối nhỏ và chiếm tỷ trọng khá thấp trong nền kinh tế Việt Nam. Năm 2001, quy mô GRDP toàn vùng chỉ chiếm khoảng 5% GDP cả nước thì đến năm 2019 cũng chỉ tăng lên mức 7,09%. Điều này hàm ý, xuất phát điểm của kinh tế vùng còn khá thấp, đóng góp kinh tế của vùng trong nền kinh tế quốc gia chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng kinh tế động lực. Thừa Thiên Huế và Bình Định là hai địa phương có GRDP bình quân đầu người thấp nhất vùng, và thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung của cả nước. Cơ cấu kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo địa phương có sự khác biệt ý nghĩa về quy mô kinh tế giữa các địa phương nội vùng, quy mô kinh tế của Thừa Thiên Huế chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong GRDP toàn vùng, 14,64% năm 2010 đến 12,64% năm 2019 [9]. Tính liên kết trong nội vùng và liên vùng chưa cao, vẫn chủ yếu phát triển ở dạng khép kín, mang tính cục bộ và thiếu sự tương tác; phân bố không gian phát triển trong nội vùng còn manh mún. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thực sự đạt được mục tiêu phát triển vùng, đóng vai trò động lực tăng trưởng, đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của các vùng khác trên cả nước.

4. Một vài hàm ý

Từ những thành quả và hạn chế trong phát triển của vùng đầm phá TG - CH, đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của chiến lược PTBV, chúng tôi xin đề xuất một số luận điểm hướng tới mục tiêu PTBV vùng đầm phá TG - CH như sau:

- Đánh giá nền tảng và nâng cao năng lực cạnh tranh vùng đầm phá TG - CH: Khung phân tích ba lớp của Michael Porter (1990) có thể là cơ sở để đánh giá năng lực cạnh tranh của vùng đầm phá TG - CH, giúp theo dõi các yếu tố quan trọng có tác động mạnh mẽ đến năng suất kinh tế của vùng, gồm các yếu tố tự nhiên như tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý và quy mô địa phương (lớp đầu tiên, dưới cùng), năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô (lớp thứ hai), và năng lực cạnh tranh kinh tế vi mô (lớp trên cùng). Vùng đầm phá TG - CH có ưu thế tài nguyên đầm phá lớn nhất Đông Nam Á chiếm vị trí khó thay thế trong nội vùng và liên vùng, cùng với mức độ ổn định chính trị cao, tuy vậy khu vực này cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức cần giải quyết để gia tăng năng lực cạnh tranh của vùng. Trong mối liên hệ với gia tăng năng lực cạnh tranh của vùng đầm phá TG - CH thì nhận dạng địa phương là điều cần thiết nhằm khai thác tối đa nguồn lực vùng cho phát triển cân bằng và bền vững. Các yếu tố liên quan đến nhận dạng địa phương bao gồm: đặc điểm tự nhiên trong đối sánh với vùng lân cận, yếu tố nhân văn trong hình thành nền kinh tế - xã hội của vùng, các yếu tố sản xuất, các sản phẩm địa phương có khả năng trở thành thương phẩm cung ứng cho xã hội, các yếu tố cần có để khởi động sự phát triển. Đồng thời các điều kiện cần cũng là một ưu tiên khi đánh giá năng

lực cạnh tranh vùng đầm phá TG - CH, hay chính là bản chất của nhu cầu thị trường nội địa cho sản phẩm hay dịch vụ của một ngành.

- Liên kết vùng: Liên kết vùng ở nước ta chủ yếu thuộc dạng liên kết yếu - yếu, điều đó quy định rằng nếu liên kết vùng không được chú ý như là một nội dung trọng yếu trong quy hoạch vùng thì bản thân quy hoạch vùng không còn đúng nghĩa vùng. Để có đủ cơ sở thực hiện thành công liên kết vùng trong PTBV vùng đầm phá TG - CH, bao hàm liên kết nội vùng (giữa vùng đầm phá TG - CH với các vùng trong tỉnh Thừa Thiên Huế) và liên vùng (giữa vùng đầm phá TG - CH với các hệ thống kinh tế - xã hội liên vùng duyên hải miền Trung), cần có những nghiên cứu khoa học đầy đủ về liên kết vùng, hoàn thiện thể chế về liên kết vùng, xây dựng quy hoạch kinh tế - xã hội vùng đầm phá TG - CH trong tổng thể quy hoạch kinh tế - xã hội toàn tỉnh làm căn cứ cho liên kết vùng, chủ động đề xuất làm việc với một số địa phương lân cận và các địa phương trung tâm vùng động lực để có những ký kết chương trình hợp tác, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực, tiêu thụ hàng hoá của nhau, thu hút đầu tư... Đặt sự PTBV vùng đầm phá TG - CH trong tổng thể liên kết vùng nhằm khắc phục sự phát triển manh mún, khép kín, mang tính cục bộ vốn tồn tại từ lâu trong lịch sử địa phương và đất nước; giảm thiểu sự trùng lặp về cơ cấu ngành làm phân tán nguồn lực, triệt tiêu lợi thế so sánh giữa các địa phương trong nội bộ vùng; mở rộng phạm vi và quy mô liên kết không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong lĩnh vực xã hội, môi trường. Nhấn mạnh liên kết vùng đối với vùng đầm phá TG - CH không thể thiếu quá trình cải tiến mô hình phát triển theo hướng hiện đại một cách đồng bộ với các vùng khác, trong đó hướng tới hoàn thiện kết nối hệ thống giao thông vận tải nội vùng và liên vùng, phát triển dịch vụ logistics, hình thành trung tâm dịch vụ nông cốt lưu thông và phân phối hàng hóa, thuận lợi cho sản xuất và tiêu dùng hàng hóa của vùng; xây dựng chuỗi liên kết giữa người sản xuất với cơ sở chế biến, với thương lái và người tiêu dùng, phát triển các chợ thủy hải sản theo hướng chuyên nghiệp, có quy mô lớn, trở thành sàn giao dịch chuyên về thủy hải sản.

- Xây dựng cách tiếp cận PTBV phù hợp cho vùng đầm phá TG - CH, dựa trên cách tiếp cận phổ biến hiện nay là tiếp cận liên ngành, đa lĩnh vực, tích hợp, và gần đây còn được gọi là tiếp cận dựa vào hệ sinh thái [8], [10], liên kết các hoạt động phát triển, liên kết các ngành, các lĩnh vực phát triển thành một hệ thống sao cho đạt được sự cân đối, hài hòa một cách lâu dài cho các thế hệ sau. Cách tiếp cận này đồng thời thống nhất với thể thức quản lý tổng hợp vùng bờ biển mà Việt Nam đang hướng tới hiện nay nhằm đạt được sự bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường, và gần đây bàn luận thêm về trụ cột văn hóa.

Trên nền tảng tiếp cận tích hợp dựa vào hệ sinh thái, một số vấn đề cần lưu ý như sau:

- Xây dựng thương hiệu vùng đầm phá TG - CH: Phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm vùng đầm phá, xây dựng thương hiệu cho các loại thủy sản đặc hữu, có giá trị cao từ khâu sản

xuất, phát triển vùng nuôi chuyên canh đến quảng bá, tìm đầu ra, mở rộng thị trường cho đặc sản thủy sản đầm phá không chỉ nội vùng mà còn cả thị trường trong nước và quốc tế; đề ra các chính sách khuyến khích phát triển thương hiệu như xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và tăng cường quảng bá nhằm nâng cao khả năng thương mại hóa các sản phẩm thủy sản đặc sản đầm phá TG - CH. Chuỗi giá trị các sản phẩm của vùng còn có thể được phát triển từ việc xây dựng và quảng bá thương hiệu hệ đầm phá nước lợ lớn nhất Đông Nam Á với các đặc trưng hết sức đa dạng và độc đáo của hệ sinh thái nhân văn/hệ sinh thái - xã hội thông qua các sản phẩm du lịch, văn hóa, điện ảnh, âm nhạc, khoa học công nghệ. Hiện nay, mô hình phát triển thủy sản bền vững kết hợp du lịch sinh thái, du lịch dựa vào cộng đồng vùng đầm phá là một mô hình phát triển có tính khả thi và đang từng bước được triển khai [4]. Bên cạnh đó, một số mô hình phát triển vùng theo hướng gắn kết với kinh tế biển cũng nên được xem xét trong bối cảnh tài nguyên vùng và chiến lược hướng biển hiện nay, phát huy lợi thế của vùng đầm phá để vươn ra biển, gắn kết đất liền với đại dương, có sự hài hòa thống nhất giữa phát triển kinh tế trên biển, kinh tế duyên hải và đầm phá, hướng tới một nền kinh tế xanh cân đối giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, phát triển kết hợp với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đồng thời, phát triển chuỗi các giá trị sản phẩm vùng đầm phá một cách có kết nối với các thương hiệu khác của thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên Huế là cơ hội tăng năng lực cạnh tranh của vùng đầm phá TG - CH cũng như toàn tỉnh trong định hướng phát triển vùng.

- Nâng cao vai trò của văn hóa trong PTBV vùng đầm phá TG - CH: PTBV vùng đầm phá TG - CH không thể thiếu sự quan tâm đúng mực vị trí và vai trò của văn hóa trong mối tương quan với phát triển kinh tế, xã hội, môi trường. Tiếp cận văn hóa không chỉ dưới chiều cạnh bảo tồn mà còn ở góc nhìn phát triển, gắn văn hóa với phát triển vùng, trong đó con người là yếu tố quyết định. Phát triển văn hóa phải gắn kết hơn với xây dựng con người vùng đầm phá, hướng đến phục vụ người dân, giảm khoảng cách giàu nghèo, chú trọng về chất lượng hơn số lượng, chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, tiếp cận chủ động, linh hoạt, đưa con người trở thành một trong những nguồn lực quan trọng của sự nghiệp PTBV đất nước và hội nhập quốc tế. Nâng cao vai trò của văn hóa trong định hướng PTBV vùng đầm phá TG - CH được thể hiện ở một số khía cạnh như: khai thác kinh tế trong văn hóa, phát huy sức hấp dẫn, thu hút, thuyết phục của các giá trị văn hóa vùng đầm phá, chuyển hóa thành sức mạnh mềm văn hóa, hướng tới xây dựng nền kinh tế văn hóa (một phần ngày càng quan trọng của hoạt động kinh tế đương đại được dành cho việc sản xuất đầu ra văn hóa, các loại hàng hóa và dịch vụ có hàm lượng thẩm mỹ và văn hóa cao); phát huy văn hóa sinh kế trong đời sống kinh tế, khai thác các giá trị truyền thống, tri thức bản địa trong bối cảnh biến đổi khí hậu; bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc, đề cao đạo đức truyền thống nhằm xây dựng văn hóa ứng xử hài hòa với môi trường, xây dựng một nền kinh tế - xã hội có đạo đức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Buzko I., Vartanova O., Trunina I., Khovrak I. (2019). Theoretical aspects of regional sustainable development in the EU and Ukraine. *Innovative Economic Symposium 2018 - Milestones and Trends of World Economy (IES2018), SHS Web Conf, Volume 61, 2019, 12.* DOI: <http://doi.org/10.1051/shsconf/20196101001>.
2. Chuân, N.T. 2017. Văn hóa và sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. *Tạp chí Xã hội học*, tập 138 (số 2), 9-15.
3. Cổng thông tin điện tử đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế (2017). Đẩy mạnh phát triển đầm phá TG - CH. Truy cập 27/10/2021, từ <http://dbqh.thuathienhue.gov.vn/tin-tuc-sukien/tid/Day-manh-phat-trien-dam-pha-Tam-Giang-Cau-Hai/newsid/91B38C55-C3AF-44A8-8CE6-A7660166DDC8/cid/936D5A62-F070-4F54-A0D2-A6E80116AE52>.
4. Cổng thông tin điện tử Thừa Thiên Huế (2017). Hội thảo thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển thủy sản bền vững kết hợp du lịch đầm phá TG - CH. Truy cập 27/10/2021, từ <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin/fai-hoi-dang-bo-tinh-thua-thien-hue-lan-thu-XV/tid/Hoi-thao-thuc-trang-dinh-huong-va-giai-phap-phat-trien-thuy-san-ben-vung-ket-hop-du-lich-dam-pha-Tam-giang-Cau-Hai/newsid/8992DBC4-ED98-4A75-B8B6-A74A0112974C/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>.
5. Cổng thông tin điện tử Thừa Thiên Huế (2020). Phát triển chuỗi giá trị và nâng cao khả năng thương mại hóa cho sản phẩm vùng đầm phá Tam Giang-Cầu Hai. Truy cập 27/10/2021, từ <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Trang-ch%E1%BB%A7/Ch%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%99ng-ph%C3%B2ng-ch%E1%BB%91ng-d%E1%BB%8Bch-b%E1%BB%87nh-virus-corona/tid/Phat-trien-chuoi-gia-tri-va-nang-cao-kha-nang-thuong-mai-hoa-cho-cac-san-pham-hai-san-vung-Tam-Giang-%E2%80%93-Cau-Hai/newsid/B8BDAFCB-13A0-4DF0-AD60-AC9500D7C7C0/cid/B978B3F3-05EF-45E4-BEE7-F47C2B99302B>.
6. Cường, B.V., Khuyến, N.Đ., Hương, L. T. T., Trâm, P.T.T. (2020). Các phương pháp xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển bền vững vùng. *Tạp chí phát triển bền vững vùng*, quyển 10 (số 1), 27-39.
7. Dinh, V. (2019). Đại đẳng đánh bắt thủy sản trái phép trên đầm phá TG - CH. Truy cập 27/10/2021, từ <https://baotainguyenmoitruong.vn/dai-dang-danh-bat-thuy-san-trai-phep-tren-dam-pha-tam-giang-cau-hai-297244.html>.
8. Hải, Đ.P. (2018). Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, tập 43 (số 2), 29-39.
9. Hiệp, H.H, Hòe, C.N, Hương, H.T.T. (2020). Phát triển kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, tập 63 (Số 01).

10. Học, T.Q. 2015. Nghiên cứu và triển khai cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái. *Hội thảo quốc gia Tài nguyên thiên nhiên và tăng trưởng xanh, Hà Nội, 2013*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Jovovic, R., Draskovic, M., Delibasic, M., & Jovovic, M. (2017). The concept of sustainable regional development - institutional aspects, policies and prospects. *Journal of International Studies*, 10(1), 255-266. DOI:10.14254/2071-8330.2017/10- 1/18
12. Klapka P. (2007). Sustainability at the regional level: theory and application, *Geografický časopis*, 59, 3.
13. Minh, S. (2020). Nâng cao giá trị thủy sản đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Truy cập 27/10/2020, từ <https://baothuathienhue.vn/nang-cao-gia-tri-thuy-san-dam-pha-tam-giang-cau-hai-a94731.html>.
14. Nijkamp, P.; Laschuit, P.; Soeteman, F. (1991). *Sustainable development in a regional system*. No 93, Serie Research Memoranda from VU University Amsterdam, Faculty of Economics, Business Administration and Econometrics.
15. Nye, Joseph S. (2004). *Soft Power: The Means To Success In World Politics*. Hachette UK (published 2009). ISBN 9780786738960. Retrieved 1 March 2020.
16. Quang, B.N. (2020). Phát triển vùng trong chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn mới. *Tạp chí phát triển bền vững vùng*, quyển 10 (số 1), 3-13.
17. Quý, H.S. (2019). Về “sức mạnh mềm” Việt Nam. Truy cập 27/10/2021, từ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/-oi-ngoai2/-/2018/494492/ve-%E2%80%9Csuc-manh-mem%E2%80%9D-viet-nam.aspx>.
18. Sơn, N.D. (2018). Chính sách phát triển vùng ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1, 16-25.
19. Tuấn, N. (2016). Thừa Thiên Huế đẩy mạnh hút đầu tư vùng đầm phá TG - CH. Truy cập 27/10/2021, từ <https://congthuong.vn/thua-thien-hue-day-manh-hut-dau-tu-vung-dam-pha-tam-giang-cau-hai-74909.html>.